

## II. Các thủ tục hành chính trong cuộc sống (くらしの手続き)

### 1. Khi bắt đầu cuộc sống mới ở thành phố Sakai, khi chuyển nhà

(堺市で新しい生活を始めるとき/引越しするとき)

#### 1-1 Chuyển đến, chuyển cư, chuyển đi (転入、転居、転出)

【Đăng ký cư trú, thay đổi chỗ ở】(住民登録・住居地の変更)

Khi nào?	Làm thủ tục ở đâu?	Cần mang theo những gì?
<p>&lt;Chuyển đến&gt; Khi chuyển nhà đến thành phố Sakai từ một thành phố khác</p>	<p><u>Đến làm thủ tục tại Phòng thị dân của ủy ban hành chính quận</u> của nơi mình sống trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển nhà đến (Trang 16, 17)</p> <p>*Phụ nữ đang mang thai hoặc có con sơ sinh thì liên lạc với cả trung tâm bảo vệ sức khỏe (Trang 16, 17)</p>	<p>① Thẻ lưu trú của toàn bộ thành viên chuyển đến, giấy chứng minh là người vĩnh trú đặc biệt</p> <p>② Giấy chứng minh chuyển đi do ủy ban hành chính của địa phương nơi mình sống trước khi chuyển đi cấp. Người đang gia nhập</p> <p>③ Người có Bảo hiểm hưu trí quốc dân (nenkin) thì mang theo sổ tay bảo hiểm hưu trí, thông báo về số lương hưu cơ bản, giấy báo đóng tiền bảo hiểm, v.v.</p> <p>④ Thẻ MY NUMBER (của toàn bộ thành viên đang sở hữu thẻ)</p>
<p>&lt;Chuyển cư&gt; Chuyển nhà đến một quận khác trong thành phố Sakai, hoặc chuyển nhà đến một chỗ khác nhưng vẫn trong cùng một quận</p>	<p>Giống như trên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy tờ ở mục ①, ③, ④ như ghi trên</li> <li>⑤ Người đang gia nhập bảo hiểm sức khỏe quốc dân thì mang theo thẻ Bảo hiểm sức khỏe</li> </ul>
<p>&lt;Chuyển đi&gt; Chuyển nhà ra khỏi thành phố Sakai</p>	<p>Đến làm thủ tục tại Phòng thị dân của ủy ban hành chính quận của nơi mình đang sống trước ngày dọn nhà đi (trường hợp đã chuyển nhà đi rồi thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển nhà)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những giấy tờ chứng minh bản thân người đến khai báo (Bằng lái xe, thẻ lưu trú v.v.) và số ⑤ như ghi trên</li> <li>Cần thiết cả giấy tờ ở mục ③, ④ khi chuyển ra nước ngoài</li> </ul>

#### 【Các thủ tục liên quan】(関連する手続き)

Cũng có những trường hợp cần phải làm những thủ tục liên quan đến Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, Bảo hiểm hưu trí quốc dân, Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng, Trợ cấp trẻ em, Trợ cấp y tế cho trẻ em, Thủ tục nhập học / chuyển trường cho con v.v. Xin hãy hỏi chi tiết về những thủ tục này khi làm thủ tục chuyển đến, chuyển cư hoặc chuyển đi.

Cần phải làm thủ tục ngay cả trong trường hợp nuôi chó. Xin hãy hỏi tại Trung tâm hướng dẫn về động vật (☎072-228-0168) hoặc Trung tâm bảo vệ sức khỏe (Trang 16, 17)

#### \*Về “MY NUMBER (Mã số cá nhân)” (マイナンバー (個人番号) について)

MY NUMBER là mã số cần thiết khi làm các thủ tục bảo hiểm xã hội như bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm việc làm v.v., hoặc thủ tục khai báo thuế v.v., và mỗi một công dân được cấp 1 mã số riêng. Nếu bạn đăng ký cư trú ở Nhật lần đầu tiên, thì trong vòng khoảng 2~3 tuần, giấy thông báo mã số cá nhân có ghi MY NUMBER sẽ được gửi đến.

Ngày cả khi rời Nhật Bản và tái nhập cảnh do về nước tạm thời v.v. thì vẫn sử dụng MY NUMBER đã được cấp trước đó.

Theo nguyên tắc thì một MY NUMBER được sử dụng liên tục suốt đời nên xin đừng cho ai biết mã số này trừ khi phải làm những thủ tục cần thiết.

<https://www.digital.go.jp/policies/mynumber/>

**1-2 Thu gom rác (ごみの収集) (しゅうじゅう)**  
**【Cách bỏ rác】 (ごみの出し方) (だしかた)**

Xin vui lòng xác nhận loại rác, ngày bỏ rác v.v., và bỏ rác đúng nơi qui định.

**Sách tra cứu về phân loại rác và rác tái chế (tiếng Nhật)** chỉ dẫn cách bỏ rác được phát tại Trung tâm thông tin thị chính của ủy ban hành chính thành phố, quầy thông tin thị chính của ủy ban hành chính quận, được nhận khi khai báo chuyển đến, chuyển cư tại Phòng thị dân ủy ban hành chính quận (Trang 16, 17).

**Hỏi đáp thông tin:** Phòng Nghiệp vụ môi trường (☎072-228-7429 FAX 072-229-4454)

Tiếng Nhật

[https://www.city.sakai.lg.jp/kurashi/gomi/gomi\\_recy/bunbetsu/shigen/](https://www.city.sakai.lg.jp/kurashi/gomi/gomi_recy/bunbetsu/shigen/)

Tiếng Nhật đơn giản

[https://www.city.sakai.lg.jp/yasashii/yasa\\_gomi/](https://www.city.sakai.lg.jp/yasashii/yasa_gomi/)

Tiếng Anh

<https://www.city.sakai.lg.jp/foreign-language/english/visitors/living/dailylife/handbook/index.html>

Tiếng Trung Quốc

<https://www.city.sakai.lg.jp/foreign-language/chinese/visitors/living/livinginsakai/handbook/index.html>

Tiếng Hàn Quốc/ Triều Tiên

<https://www.city.sakai.lg.jp/foreign-language/korean/visitors/handbook/index.html>

Tiếng Bồ Đào Nha

[https://www.city.sakai.lg.jp/foreign-language/other\\_languages/portuguese/portuguese/index.html](https://www.city.sakai.lg.jp/foreign-language/other_languages/portuguese/portuguese/index.html)

Tiếng Tây Ban Nha

[https://www.city.sakai.lg.jp/foreign-language/other\\_languages/spanish/spain/index.html](https://www.city.sakai.lg.jp/foreign-language/other_languages/spanish/spain/index.html)

**Có 2 loại sổ tay hướng dẫn cách bỏ rác bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật.**

[https://www.city.sakai.lg.jp/kurashi/gomi/gomi\\_recy/bunbetsu/shigen\\_gomi\\_pamph/index.html](https://www.city.sakai.lg.jp/kurashi/gomi/gomi_recy/bunbetsu/shigen_gomi_pamph/index.html)

**Ngôn ngữ:** Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc/ Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt

**1-3 Hệ thống cấp thoát nước (水道・下水道) (すいどう・げすいどう)**

Có thể trình báo hoặc hỏi thông tin tại Trung tâm khách hàng của Cục cấp thoát nước như dưới đây.

- Trình báo về việc đăng ký bắt đầu sử dụng nước máy hoặc ngừng cấp nước (Nhớ liên lạc 4, 5 ngày trước đó)
- Xác nhận lượng nước và hỏi thông tin về tiền nước máy, v.v.

※ Ứng dụng điện thoại tiện lợi "Suirin".

Cũng có thể đăng ký thanh toán không sử dụng giấy tờ, hay thanh toán bằng thẻ tín dụng.

- Khi nước bị nhuộm màu đỏ chảy ra  
 \*Do việc thi công hệ thống cấp nước, cũng có khi gỉ sắt trong ống nước theo nước chảy ra, nên hãy cho nước chảy một lúc đến khi nước trở nên trong rồi mới sử dụng. Tuy nhiên, khi nước vẫn bị đục thì xin liên lạc đến Trung tâm khách hàng.
- Khi phát hiện nước bị rò rỉ trên mặt đường, hoặc khi hệ thống nước công cộng bị tắc nghẽn v.v.



Trang chủ Cục cấp thoát nước thành phố Sakai - Trang "Suirin"

Trung tâm khách hàng của Cục cấp thoát nước (上下水道局お客様センター) (じょうげすいどうきょく きゃくさませんたー)	
Hỏi đáp thông tin	☎0570-02-1132 (Navi Dial) *Không thể sử dụng một số điện thoại IP ☎072-251-1132 FAX 072-252-4132
Thời gian tiếp nhận	Ngày thường 8:45~19:00 Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày lễ 9:00~17:00 (Tuy nhiên, những việc như thắc mắc khi nước bị nhuộm màu đỏ v.v., hoặc khi phát hiện nước bị rò rỉ trên mặt đường, hoặc khi hệ thống nước công cộng bị tắc nghẽn v.v. thì tiếp nhận cuộc gọi 24/24 giờ)

### 1-4 Nhà ở do thành phố quản lý, nhà ở công cho thuê đặc biệt (市営住宅、特定公共賃貸住宅)

#### 【Chiêu mộ người vào ở】 (入居者募集)

Chiêu mộ hàng năm vào tháng 5, tháng 10, tháng 11 Thông tin chi tiết được đăng tải công khai trên Koho Sakai.

[Hỏi đáp thông tin](#)

Chiêu mộ vào tháng 5, tháng 10: Trung tâm quản lý nhà ở của thành phố ☎ 072-228-8225 FAX 072-228-8223

Chiêu mộ vào tháng 11: Ban cải thiện nhà ở ☎072-228-8113 FAX 072-228-8034

Về nhà ở do phủ Osaka quản lý, xin hãy xem trang “III. Sinh hoạt và sống” giao lưu quốc tế Phủ Osaka (OFIX).

### 1-5 Thuế đóng cho thành phố (市税)

#### 【Thuế cá nhân đóng cho thành phố và thuế đóng cho phủ Osaka (thuế trú dân)】

(個人市・府民税 (住民税))

Hàng năm vào ngày 1 tháng 1, những ai hiện đang sống ở trong quận, những người có văn phòng làm việc trong quận xin hãy đóng thuế.

- Thu thuế thông thường: Những ai có thu nhập trong năm trước xin hãy nộp giấy khai báo thuế thị dân trước ngày 15 tháng 3. Sau đó, giấy thông báo về việc nộp thuế sẽ được gửi đến nên xin hãy đóng thuế.

[Hỏi đáp thông tin](#) [Văn phòng thuế thành phố](#) [Phòng thuế thị dân](#) (Hãy gọi đến số điện thoại của quận nơi mình đang sống)

Văn phòng thuế thành phố 〒591-8037 Kita-ku Mozu Akahata-cho 1- 3-1		
Phòng thuế thị dân	Quận Sakai • Quận Nishi	☎072-231-9751 FAX 072-251-5632
	Quận Naka • Quận Minami	☎072-231-9752 FAX 072-251-5632
	Quận Kita • Quận Higashi • Quận Mihara	☎072-231-9753 FAX 072-251-5632

- Thu thuế đặc biệt: Những người có thu nhập do được trả lương thì mỗi tháng tiền thuế sẽ được trừ đi từ tiền lương.

## 2. Khi kết hôn/ Khi ly hôn (結婚するとき/離婚するとき)

Xin hãy xem trang “IV. Chế độ quản lý cư trú – Thủ tục đăng ký cư trú – kết hôn – ly hôn” của Tổ chức giao lưu quốc tế Phủ Osaka (OFIX).

## 3. Khi sinh con nuôi con (子どもを産んで育てるとき)

### 3-1 Khi mang thai (妊娠したら)

#### 【Sổ tay sức khỏe Mẹ và Con và phiếu khám thai】 (母子健康手帳と健診受診票つづり)

Hãy [Trung tâm bảo vệ sức khỏe \(trang 16, 17\)](#) của quận mà mình đang sống và nộp “Giấy trình báo về việc mang thai”, nhớ nhận Sổ tay sức khỏe Mẹ và Con” cũng như phiếu khám thai (thành phố Sakai là nơi sẽ chi trả chi phí của 14 lần khám thai).

Hãy đem theo sổ và phiếu này khi đi bệnh viện hoặc Trung tâm bảo vệ sức khỏe. Tình trạng sức khỏe của mẹ và con sẽ được ghi vào Sổ tay sức khỏe Mẹ và Con này.

Có Sổ tay sức khỏe Mẹ và Con bằng 10 ngôn ngữ (tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc / Triều Tiên, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Thái, Tiếng Tagalog, Tiếng Indonesia, tiếng Nepal)

#### 【Lớp học phụ sản】 (妊婦教室)

Lớp học này được tổ chức ở Trung tâm bảo vệ sức khỏe.

Có thể nghe chuyên gia nói về cách sinh hoạt thường ngày trong khi mang thai và những chuẩn bị cho việc sinh con, nuôi con, dinh dưỡng và chăm sóc răng miệng.

Cả cha của em bé cũng có thể tham gia.

[Hỏi đáp thông tin](#) [Trung tâm bảo vệ sức khỏe \(trang 16, 17\)](#)